TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20-9-2018
"*V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con,*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Duẫn

2. Ông Trần Minh Hường

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Duẫn - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2018/TLST-HNGĐ ngày 28/5/2018 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10/8/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn 2, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

2. Bị đơn: Anh Chu Ngọc M, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn 2, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa có mặt các bên đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/5/2018, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Chu Ngọc M tìm hiểu và đi đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 15/02/2016. Cuộc sống chung vợ chồng sau khi kết hôn thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến tháng 11/2016 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng

quan điểm. Anh M không tôn trọng chị và còn đánh đập chị khiến cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng, thường xảy ra xung đột, cãi nhau. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 12/2017 cho đến nay. Hiện tại chị không còn tình cảm với anh M và mong muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống bản thân.

Về quan hệ con chung: Chị T trình bày, quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là cháu Chu Gia H, sinh ngày 17/5/2016. Hiện nay con đang nhỏ nên chị T có nguyện vọng mong muốn được nuôi con và yêu cầu anh M phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con trưởng thành. Tại phiên tòa chị T không yêu cầu anh M đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, vì từ khi vợ chồng ly thân anh M không gửi tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tường trình đề ngày 10/7/2018 do anh M gửi đến Tòa án qua dịch vụ bưu chính cũng như tại phiên tòa anh Chu Ngọc M trình bày: Vào khoảng tháng 01/2018 giữa vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn, xung đột nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, trong lúc nóng giận anh có tát chị T, sau đó giữa hai bên có to tiếng, căng thẳng. Chị T không tôn trọng và có lời nói xúc phạm anh, đã trốn anh gửi con về quê ở với bố mẹ đẻ của chị T và không cho anh gặp mặt con. Mặc dù vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với chị T và rất yêu thương con.

Về quan hệ con chung: Anh M có nguyện vọng mong muốn xin được nuôi con vì cho rằng công việc của anh hiện tại và bố mẹ đẻ của anh đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con hơn so với điều kiện của chị T. Tuy nhiên qua phân tích của Hội đồng xét xử, tại phiên tòa anh M nhất trí giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND huyện Quảng Trạch phát biểu quan điểm:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng. Bị đơn anh Chu Ngọc M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Đến tại phiên tòa lần 2 anh M mới có mặt, điều này thể hiện anh M không chấp hành pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch không có kiến nghị đối với vụ án này.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Chu Ngọc M. Giao con Chu Gia H, sinh ngày 17/5/2016 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh M có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con

chung với chị T theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp và hòa giải, giấy triệu tập nhiều lần cho anh Chu Ngọc M nhưng anh M đều không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tại bản tường trình anh M trình bày do đi làm ăn xa, điều kiện công việc không thể về được nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo trình tự, thủ tục tố tụng, niêm yết văn bản tố tụng đảm bảo đúng quy định và đưa vụ án ra xét xử. Ngày 27/8/2018 Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch mở phiên tòa lần thứ nhất, do anh M vắng mặt nên Tòa án đã ban hành quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn đối với anh Chu Ngọc M và quyền yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn. Vì vậy, xác định đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Chu Ngọc M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 15/02/2016, vì vậy quan hệ hôn nhân là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc không được bao lâu đã xảy ra mâu thuẫn, do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm; vợ chồng chị T đã sống ly thân từ tháng 12/2017 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị T kiên quyết xin được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Xét nguyện vọng của anh M mong muốn vợ chồng đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc vì anh còn tình cảm với chị T và rất yêu thương con. Tuy nhiên, thời gian xảy ra mâu thuẫn đã lâu từ tháng 12/2017 cho đến nay nhưng anh M không có biện pháp để khắc phục mâu thuẫn nhằm cải thiện tình trạng vợ chồng. Mặc dù biết rõ Tòa án đang giải quyết vụ án nhưng nhiều lần anh M vắng mặt, tự tước bỏ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh M đã trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xét xử cho chị T được ly hôn với anh M.

[3] Về quan hệ con chung: chị T và anh M đều có nguyện vọng được nuôi con là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên cháu Chu Gia H hiện còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét ý kiến của chị T sau ly hôn không yêu cầu anh M đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên anh M tự nguyện đóng góp mỗi tháng 1.000.000 đồng. Để đảm bảo quyền lợi của con sau ly hôn, Hội đồng xét xử nhận thấy mức đóng góp như vậy là phù hợp.

Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình: Giao con chung Chu Gia H, sinh ngày 17/5/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, buộc anh Chu Ngọc M có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 10/2018 trở đi cho đến khi con tròn 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động và có tài sản tự nuôi sống bản thân.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Chu Ngọc M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét quan điểm, đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, anh Chu Ngọc M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; các khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Chu Ngọc M.

2. Về quan hệ con chung:

2.1: Giao con chung Chu Gia H, sinh ngày 17/5/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.2: Anh Chu Ngọc M có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với chị T mỗi tháng số tiền là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Thời gian đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 10/2018 trở đi, cho đến khi con tròn 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động và có tài sản tự nuôi sống bản thân.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm:

4.1: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để nộp sung vào công quỹ nhà nước. Số tiền án phí chị T phải chịu trên được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, theo biên lai thu số 0001090, ngày 24/5/2018. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

4.2: Buộc anh Chu Ngọc M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ để sung vào công quỹ nhà nước.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/9/2018).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương